

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 9 năm 2024
Về việc ly hôn giữa chị V
và anh C

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH HÀ GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Đàm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Hồng Việt**

2. Ông **Nguyễn Văn Chiếu**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Trung Kiên** – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Mạnh Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Dinh Thị V** - Sinh năm: 2000; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn HĐ A, xã TL, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; Chỗ ở hiện nay: Thôn MST, xã LT, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Làm nương. (Có mặt);

Bị đơn: Anh **Vàng Mí C** - Sinh năm: 2000; Địa chỉ: Thôn HĐ A, xã TL, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt lần thứ hai, không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2024, cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo và trong quá trình xét xử, nguyên đơn **Dinh Thị V** trình bày: Chị V anh **Vàng Mí C** về chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2018 trên cơ sở tự nguyện. Đến ngày 28/6/2022, vợ chồng mới làm thủ tục ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Từ năm 2018, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 9/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh C ham chơi, chỉ biết tiêu tiền mà không kiếm tiền, không chăm lo cho gia đình. Không những thế, anh C còn ngoại tình với người phụ nữ khác. Mặc dù chị V hai bên gia đình nội ngoại đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh C không thay đổi. Kể từ tháng 9/2023 đến nay, chị đã bỏ về sống với mẹ đẻ ở xã LT, huyện Đ,

hai vợ chồng đã sống ly thân từ thời điểm đó, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Hai vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Vàng Mí C, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay không gửi (nộp) cho Tòa án bất kỳ ý kiến nào bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị V. Tòa án tiến hành tổng đạt, làm việc trực tiếp với anh nhưng không gặp được do anh thường xuyên không có mặt tại địa phương. Theo Biên bản xác minh ngày 12/4/2024 với Trưởng thôn HD A, xã TL thì tại thời điểm xác minh, anh C đi làm xa, không có mặt tại nơi cư trú, thi thoảng có trở về nhà nhưng không rõ thời điểm cụ thể, (bút lục số 22). Gia đình anh C cũng chỉ biết anh C đi làm cho công ty nhưng không rõ địa chỉ cụ thể (các Biên bản xác minh ngày 15/6/2024, bút lục số 40 và bút lục số 41). Các văn bản tố tụng đều được niêm yết hợp lệ nhưng anh C không lần nào có mặt theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Do cả hai phiên hòa giải (ngày 14/6/2024 và 15/7/2024) anh C đều vắng mặt không lý do, tuy đã được triệu tập hợp lệ, nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Cả hai phiên tòa (mở lần thứ nhất ngày 16/8/2024, mở lần thứ hai ngày 10/9/2024), anh C đều vắng mặt không có lý do.

Tại các Biên bản xác minh với Trưởng thôn, hàng xóm và gia đình hai bên về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Dinh Thị V và anh Vàng Mí C đều xác định: Năm 2018 chị Dinh Thị V và anh Vàng Mí C về chung sống với nhau như vợ chồng, đến năm 2022 kết hôn trên tinh thần tự nguyện không bị ép buộc. Trong quá trình chung sống chị Dinh Thị V và anh Vàng Mí C ở tại thôn HD A, xã TL thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh C lười lao động, chỉ ham chơi, gia đình hai bên đã khuyên can nhưng anh C vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi. Năm 2023, chị V bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn MST, xã LT sống ly thân với anh C cho đến bây giờ.

Tại phiên tòa chị Dinh Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là ly hôn với anh Vàng Mí C. Chị Dinh Thị V khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Dinh Thị V kiên quyết xin ly hôn anh Vàng Mí C.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến: *Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tổng đạt các văn bản, quyết định tố tụng cho đương sự đầy đủ; ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử

đúng thời hạn, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm, tiến hành khai mạc phiên tòa, giới thiệu thành phần Hội đồng xét xử, phổ biến quyền và nghĩa vụ của đương sự. Thành phần Hội đồng xét xử đúng như đã nêu tại Quyết định đưa vụ án xét xử; Thẩm phán chủ tọa phiên tòa điều hành trình tự, thủ tục tranh tụng đúng quy định tại Điều 249 và Điều 260 Bộ luật tố tụng dân sự. *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 227, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật. *Quan điểm về việc giải quyết vụ án:* Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho chị Dinh Thị V ly hôn với anh Vàng Mí C. Về con chung: Không có, đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Dinh Thị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Dinh Thị V về việc xin ly hôn với anh Vàng Mí C được Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Sau khi thụ lý vụ án, anh C không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có bất kỳ ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của chị V là đã tự ý từ bỏ các quyền và vi phạm các nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy đã được triệu tập họp lệ nhưng cả hai phiên tòa, anh C đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dinh Thị V và anh Vàng Mí C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Đ, tỉnh Hà Giang ngày 28/6/2022. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh C là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 9/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh C ham chơi, chỉ biết tiêu tiền mà không kiếm tiền, không chăm lo cho gia đình. Không những thế, anh C còn ngoại tình với người phụ nữ khác. Mặc dù chị V cùng hai bên gia đình nội ngoại đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh C không thay đổi. Kể từ tháng 9/2023 đến nay, chị V đã bỏ về sống với mẹ đẻ ở xã LT, huyện Đ, hai vợ chồng đã sống

ly thân từ thời điểm đó, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”. Tuy nhiên, từ năm 2022, vợ chồng chị V, anh C chung sống đã không hòa thuận, hạnh phúc, thường xuyên cãi chửi nhau, dẫn đến phải ly thân; thời gian ly thân đã lâu, không hàn gắn được quan hệ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị V một mực yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C, anh C không có ý kiến gì về việc ly hôn với chị V. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, xử cho chị V ly hôn với anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống chị V và anh C không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí sơ thẩm cho chị Đinh Thị V.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Đinh Thị V ly hôn với anh Vàng Mí C.
2. *Về con chung:* Các đương sự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. *Về tài sản, công nợ chung:* Các đương sự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. *Về án phí*: Chị Dinh Thị V được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm. Anh Vàng Mí C không phải chịu án phí sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- TAND tỉnh;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã TL, huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Đàm